

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: KHOA HỌC MÁY TÍNH

CHUYÊN NGÀNH: KHOA HỌC MÁY TÍNH

1. Tuyển sinh và Đối tượng tuyển sinh

Tuyển sinh được thực hiện bằng hình thức thi tuyển với ba môn thi là : Toán cao cấp, Tiếng Anh và môn chuyên ngành: Cơ sở Công nghệ thông tin.

Đối tượng tuyển sinh được quy định cụ thể như sau :

1.1 Về văn bằng:

Mã văn bằng của đối tượng quy định như mô tả trong bảng 1.

Ngành học đại học	Chương trình đại học *		
	5 năm, ≥ 155 TC	4,5 năm, 141-154 TC	4 năm, 128 -140 TC
Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Kỹ thuật máy tính, Toán tin ứng dụng của Đại học Bách khoa Hà Nội	A1	A2	A3
Công nghệ thông tin, Khoa học máy tính, Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ kỹ thuật máy tính, Kỹ thuật máy tính của các trường khác. Cử nhân công nghệ Công nghệ thông tin ĐHBKHN; Đại học chính quy Tin học công nghiệp ĐHBKHN, Sư phạm kỹ thuật tin ĐHBKHN; Đại học tại chức ĐHBKHN ngành CNTT;	B1	B2	B3
Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Kỹ thuật điện tử, truyền thông; Sư phạm Tin học; Tin học công nghiệp, Sư phạm kỹ thuật tin; Tin học kinh tế; Hệ thống thông tin quản lý; Đại học tại chức ngành Công nghệ thông tin của các trường đại học khác.	C1	C2	C3

* Phải thỏa mãn cả 2 yêu cầu về thời gian và số tín chỉ (hoặc số học trình tương đương)

- Đối với **thạc sỹ khoa học Khoa học máy tính (định hướng nghiên cứu)**, người dự thi cần thuộc một trong các đối tượng sau: A1, A2, A3, B1, B2, B3 ngoại trừ đối tượng Cử nhân công nghệ ngành Công nghệ thông tin ĐHBKHN.
- Đối với **thạc sỹ kỹ thuật Khoa học máy tính (định hướng ứng dụng)**, người dự thi cần thuộc một trong các đối tượng sau: A1, A2, A3, B1, B2, B3, C1, C2, C3.

1.2. Về thâm niên công tác:

- **Với thạc sỹ khoa học:** Người có bằng tốt nghiệp đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Những trường hợp còn lại phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp.

- **Với thạc sĩ kỹ thuật:** Người tốt nghiệp đại học tại chức loại trung bình phải có ít nhất một năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực phù hợp, các trường hợp khác được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học

1.3. Bổ sung kiến thức:

- Các đối tượng (C1, C2, C3) quy định ở mục **1.1** phải học bổ sung 6 tín chỉ (xem mục 7.2.2) trước khi học các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ.
- Các đối tượng khác trong mục **1.1** không cần học bổ sung.

1.4. Miễn học phần:

- Đối tượng (A1) quy định ở mục **1.1** được miễn 21 tín chỉ của năm thứ nhất trong chương trình cao học.
- Đối tượng (A2, B1) quy định ở mục **1.1** được miễn 12 tín chỉ của học kỳ I trong chương trình cao học.
- Các đối tượng còn lại ở mục **1.1** phải học đủ 2 năm của chương trình cao học.

Bảng 2: Danh mục học phần xét miễn học

TT	Tên học phần	Mã số	Thời lượng	Ghi chú
1	Tìm kiếm cục bộ dựa trên ràng buộc	IT5690	3(3-1-0-6)	Bắt buộc
2	Nhập môn khai phá dữ liệu	IT5700	3(3-1-0-6)	Bắt buộc
3	Tối ưu hoá tổ hợp	IT5710	3(3-1-0-6)	Bắt buộc
4	Hình học tính toán	IT5720	3(3-1-0-6)	Bắt buộc
5	Lập trình hệ thống	IT5730	3(3-1-0-6)	Bắt buộc
6	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	IT5740	3(3-1-0-6)	Tự chọn
7	Nhập môn học máy	IT5750	3(3-1-0-6)	Tự chọn
8	Cơ sở thuật toán của lý thuyết mã hoá	IT5760	3(3-1-0-6)	Tự chọn
9	Nhập môn nén dữ liệu	IT5770	3(3-1-0-6)	Tự chọn

Bảng 3: Danh mục đối tượng được xét miễn học phần

TT	Mà đối tượng tuyển sinh	Số TC được miễn	Các HP được miễn cụ thể (thuộc bảng 4)	Ghi chú
1	Nhóm A1		1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
2	Nhóm A2, B1	12	2, 5, 6, 7, 8, 9	